

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06/12/2021.
V/v tranh chấp: “Xin ly hôn
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thu Hồng.**

2. Ông **Trần Văn Nghiệm.**

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp: “*Xin ly hôn, nuôi con*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

(*Chị D có đơn xét xử vắng mặt, anh T có đơn xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T sống chung với nhau vào năm 2017, do mai mối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh T vào ngày 24/3/2017. Thời gian đầu chị và anh T sống với nhau hạnh phúc, đến 03 tháng sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau, anh T thường hay đánh chị. Chị và anh T đã ly thân được hơn 03 năm. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 26/5/2017. Khi ly hôn chị D đồng ý giao con chung Nguyễn Thị Ngọc B cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Phương D sống chung với nhau từ tháng 9/2016 do mai mối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh T vào ngày 24/3/2017, sau khi sinh con được vài tháng thì chị D tự ý bỏ đi, đến nay hơn 03 năm không quay lại chung sống với anh. Nay tình cảm giữa anh và chị D không còn, nên chị D yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 26/5/2017. Hiện nay con chung đang sống chung với anh, nay anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương D với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 26/5/2017 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật.

Chị D và anh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D, anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Từ kết quả xác minh trên thực tế chị Nguyễn Thị Phương D và anh Nguyễn Văn T sống chung với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh T vào ngày 24/3/2017. Trong thời gian chung sống thì chị D và anh T sống không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ cự cãi với nhau, chị D và anh T đã sống ly thân hơn 03 năm nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 26/5/2017, hiện nay cháu B đang sống chung với anh T, do anh T đang chăm sóc, nuôi dưỡng nên việc chị D tự nguyện đồng ý giao cháu B cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Cần chấp nhận yêu cầu của anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi cháu B nên chị D không phải cấp dưỡng nuôi cháu B.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh T thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương D.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Phương D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 26/5/2017 cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi cháu B.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí HNST:

Chị Nguyễn Thị Phương D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0005773 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G được cản trừ xem như chị D đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Chị D, anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chị D, anh T nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

** Nơi nhân:*

- Dương sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây ;
- UBND xã Thạnh Trị, huyện Gò công Tây;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh

